

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T L1
TỈNH H N1**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07- 02 - 2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T L1 - TỈNH H N1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cường.

2. Bà Vũ Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T L1 - tỉnh H N1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L1, tỉnh H N1 tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T L1, tỉnh H N1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Bàn Thị H1 - sinh năm 1993;

Nơi ĐKKHKT: Thôn C T1, xã L S1, huyện T L1, tỉnh H N1; nơi tạm trú: Ngôi nhà Bình Yên thuộc Trung tâm Phụ nữ và Phát triển - số 20 đường Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Minh H2 và bà Trần Thị Huyền C1 - Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H N1.

**** Bị đơn:*** Anh Phạm Văn T1 - sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT: Thôn C T1, xã L S1, huyện T L1, tỉnh H N1.

Phiên tòa có mặt: Chị H1, ông H2, bà C1, anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bàn Thị H1 trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L S1, huyện T L1 ngày 29/02/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị sống cùng bố mẹ chồng tại thôn C T1, xã L S1. Chị H1, anh T1 chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn anh, chị không có nhiều thời gian để tìm hiểu nên vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống. Anh T1 mãi chơi không chịu lao động, chị H1 vừa học xong chưa có việc làm lại đang mang thai, hơn nữa kinh tế vợ chồng khó khăn. Anh T1 tính tình hung hăng, cục cằn, thô lỗ, chỉ mãi chơi không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh T1 thường xuyên đi chơi qua đêm không ở nhà và có biểu hiện của việc ngoại tình. Chị đã nhiều lần động viên khuyên bảo anh T1 chịu khó đi làm kiếm tiền để chăm lo cho vợ con nhưng anh T1 không nghe mà còn đánh đập, chửi bới chị rất nhiều lần, anh T1 đánh chị 04 (bốn) lần. Chị thấy cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng và ngột ngạt bởi chị bị bạo lực cả về thể xác lẫn tinh thần. Ngày 02/9/2017, khi chị phát hiện anh T1 nhắn tin tình cảm với một người phụ nữ khác, anh T1 đánh và đuổi chị ra khỏi nhà khiến tinh thần chị hoảng loạn và sợ hãi. Trước đó chị thấy nhiều lần anh T1 nhắn tin tình cảm cho người phụ nữ này. Sau đó đến ngày 05/9/2017, chị đã đến xin tạm trú tại Ngôi nhà Bình Yên thuộc Trung tâm Phụ nữ và Phát triển để được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe. Từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Vũ Kim N1, sinh ngày 15/8/2016, hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu N1 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/12/2017, bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày: Anh và chị Bàn Thị H1 kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L S1 ngày 29/02/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng bố mẹ anh tại thôn C T1, xã L S1. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11/2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh đi hát karaoke với các bạn trai về muộn, chị H1 có nhắn tin chửi anh, khi về nhà anh có tát chị H1 01 cái, sau đó vợ chồng lại bình thường. Lần thứ 2 khoảng tháng 3 - 4/2017, anh tát chị H1 vì lý do chị H1 không chịu dọn cơm, chỉ mãi xem điện thoại, thì chị H1 lại dùng dao gọt hoa quả định đâm anh, anh giằng dao cắt đi. Vợ chồng có lời qua tiếng lại nhưng sau đó lại không xảy ra chuyện gì. Lần thứ 3, khoảng

trưa ngày 01/9/2017, do chị H1 cầm điện thoại của anh lúc đó có tin nhắn của bạn nữ học cùng nhấn đến với nội dung xin đi nhờ xe, chị H1 hiểu nhầm dẫn đến vợ chồng cãi cọ, anh tát chị H1 một cái vào mặt, chị H1 gọi taxi đến đón mẹ con đi khỏi nhà nhưng anh không đồng ý. Sau đó anh trai chị H1 có xin phép anh và gia đình để đón mẹ con chị H1 về quê ngoại chơi nhưng gia đình anh không đồng ý. Chị H1 đi cùng anh trai không mang theo con. Đến ngày 11/9/2017 thì có đại diện của Ngôi nhà Bình Yên thuộc Trung tâm Phụ nữ và Phát triển và các chị cán bộ phụ nữ xã, phụ nữ huyện, phụ nữ tỉnh đến nhà anh với mục đích hoà giải. Hoà giải xong thì vợ chồng lại về sống với nhau bình thường. Đến ngày 13/9/2017, chị H1 xin 2 mẹ con về bà ngoại chơi, anh và gia đình đồng ý, tuy nhiên hai ngày sau anh có liên lạc với mẹ chị H1 thì được biết chị H1 không về nhà bố mẹ đẻ. Lúc này anh chỉ biết chị H1 đang ở Hà Nội, anh không liên lạc được với chị H1, chỉ liên lạc được với anh trai chị H1. Khoảng hai ngày sau anh mới biết chị H1 và con đang ở Ngôi nhà Bình Yên thuộc Trung tâm Phụ nữ và Phát triển. Kể từ ngày 13/9/2017, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh có nguyện vọng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị H1 cương quyết xin ly hôn, anh cũng nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 01 con chung là Phạm Vũ Kim N1, sinh ngày 15/8/2016, hiện nay cháu đang ở với chị H1. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu N1, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Bà Thị H1 và anh Phạm Văn T1 giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Minh H2 và bà Trần Thị Huyền C1 có quan điểm: Hôn nhân giữa chị H1 và anh T1 không có hạnh phúc, trong thời gian sống cùng anh T1, chị H1 bị anh T1 đánh đập và chửi bới khiến chị H1 và con phải tạm trú tại Ngôi nhà Bình Yên thuộc Trung tâm Phụ nữ và Phát triển thuộc Trung ương Hội phụ nữ Việt Nam. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được, chị H1 cương quyết xin được ly hôn, mặc dù anh T1 có nguyện vọng đoàn tụ nhưng đến nay đã qua nhiều lần hòa giải mà không có kết quả. Về con chung, chị H1 có nguyện vọng nuôi con và cháu N1 sống với mẹ từ bé đến nay ổn định về mọi mặt, bản thân chị H1 hiện tại có công việc, thu nhập ổn định. Căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự và trên cơ sở thực tế cũng như pháp luật, đề nghị HĐXX xử lý hôn giữa chị Bà Thị H1 và anh Phạm Văn T1. Về con chung: Giao cháu Phạm Vũ Kim N1, sinh ngày 15/8/2016 cho chị H1 nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con và các vấn đề khác do các đương sự không có yêu cầu nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/01/2018, nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bàn Thị H1 đối với anh Nguyễn Xuân T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Bàn Thị H1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là Phạm Văn T1 hiện đang cư trú tại xã L S1, huyện T L1, tỉnh H N1; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T L1.

[2] Về các yêu cầu của đương sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị H1 và anh Phạm Văn T1 kết hôn là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do chị H1 nghi ngờ anh T1 có người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn to tiếng, anh T1 có vài lần đánh tát chị H1, chị H1 cũng có báo với thôn xóm đến hoà giải, sau đó chị H1 đến tạm trú tại Ngôi nhà Bình Yên thuộc Trung tâm Phụ nữ và Phát triển. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay, không quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, chính quyền địa phương và Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị H1 giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, anh T1 có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị H1 cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị được nuôi con chung. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị H1, anh T1 đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ; căn cứ xác minh tại chính

quyền địa phương thể hiện chị Bàn Thị H1 và anh Phạm Văn T1 đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ tình cảm. Từ những nhận định trên, thấy yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị H1 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Phạm Vũ Kim N1, sinh ngày 15/8/2016. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con, hiện tại cháu N1 đang có cuộc sống ổn định với chị H1. Các đương sự đều xuất trình tài liệu chứng minh về công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử cháu N1 còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và cần có sự chăm sóc của mẹ. Sau khi xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu Phạm Vũ Kim N1 cho chị Bàn Thị H1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N1 và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H1 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Bàn Thị H1 và anh Phạm Văn T1 đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Bàn Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bàn Thị H1 và anh Phạm Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Vũ Kim N1, sinh ngày 15/8/2016 cho chị Bàn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi; anh Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bàn Thị H1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị H1 đã nộp theo biên lai số 04268 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T L1.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H N1;
- VKSND huyện T L1;
- C1 cục THADS huyện T L1;
- UBND xã L S1, huyện T L1;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy